

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST

Ngày: 27/4/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Phạm Hữu Thắng.

Ông Đào Khel.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02, đường LH, phường TC, quận BD, TP. HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Phượng N - Chức vụ: Pháp chế Ngân hàng N - Chi nhánh S (theo giấy ủy quyền số 575/GUQ-NHNNST-TH ngày 02/4/2021 của Ngân hàng N Chi nhánh tỉnh S) (có mặt)

Địa chỉ: Số 20B, đường THĐ, phường H, thành phố S, tỉnh S.

- Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ G; Địa chỉ: Số 338, đường PH, phường T, thành phố S, tỉnh S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984. Chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Võ Công T (vắng mặt);

+ Bà Hoàng Thị H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 34, đường số 14, khu biệt thự VALORA KIKYO, tổ 9, khu phố H, phường PH, quận C, thành phố H.

+ Ông Phạm Nguyễn Minh T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17, kênh 30/4, khóm S, phường P, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2020 của nguyên đơn Ngân hàng N, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Phương N trình bày:*

Công ty Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ G (sau đây viết tắt là Công ty TNHH TM DV G) có vay vốn của Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh S theo Hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490, ngày 28/11/2019, cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000đ;

- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng.

- Lãi suất: 10,5%, lãi suất nợ quá hạn: 15,75%

- Mục đích vay vốn: Chi phí xây dựng công trình các loại.

Tình hình tín dụng của Công ty TNHH TM DV G tại Ngân hàng N – Chi nhánh tỉnh S tạm tính đến ngày 31/10/2020 như sau:

- Nợ gốc: 30.000.000.000đ;

- Nợ lãi: 2.916.986.301đ (trong đó: Lãi trong hạn là 2.916.986.301đ; không có lãi quá hạn).

Tổng cộng gốc và lãi tạm tính đến ngày 31/10/2020 là 32.916.986.301đ. Khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng tài sản tại Hợp đồng thế chấp sau:

1/ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 859/HĐTC, ngày 28/11/2019 được ký kết giữa ông Phạm Nguyễn Minh T (đại diện theo ủy quyền của nghĩa vụ nợ vay của ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H) với Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh S để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH TM DV G:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 852291, số vào sổ cấp GCN: CH07460, do Ủy ban nhân

dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 10/8/2018 cho bà Lâm Ngọc N, đến ngày 29/11/2018 – Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Phú Quốc xác nhận đã chuyển nhượng cho ông Võ Công T (thửa đất 24, tờ bản đồ số 84; diện tích 448,5m² bao gồm đất ở đô thị 300m² và trồng cây lâu năm 148,5m²; địa chỉ: Khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi ký hợp đồng thế chấp và tín dụng. Công ty TNHH TM DV G cam kết bổ sung đầy đủ hóa đơn, chứng từ giải ngân theo quy định chậm nhất đến ngày 29/02/2020. Nếu trường hợp Công ty TNHH TM DV G không bổ sung được hóa đơn, chứng từ giải ngân theo quy định đúng thời gian đã cam kết thì Công ty TNHH TM DV G sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm và cam kết dùng mọi nguồn thu để thanh toán nợ trước hạn theo yêu cầu của Ngân hàng. Khoản nợ đến hạn trả vào ngày 29/8/2020 tuy nhiên Công ty gặp khó khăn nên Ngân hàng và Công ty ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/HĐSĐBS, ngày 26/8/2020 gia hạn trả nợ đến ngày 27/8/2021. Theo Biên bản làm việc ngày 10/9/2020 Công ty tiếp tục cam kết bổ sung hóa đơn, chứng từ giải ngân trước ngày 30/10/2020 và đồng ý cho Ngân hàng được toàn quyền xử lý nợ vay theo đúng quy định để thu hồi nợ vay, tuy nhiên cho đến nay Công ty vẫn chưa bổ sung.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo đề nghị Công ty bổ sung hóa đơn, chứng từ giải ngân để chứng minh mục đích sử dụng vốn vay nhưng Công ty không hợp tác. Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 thì “khách hàng phải trả nợ trước hạn khi Ngân hàng chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Hợp đồng này”, tại khoản 2 Điều 12 dẫn chiếu đến khoản 1 Điều 12 “khách hàng và/hoặc bên bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ bất kỳ nghĩa vụ đã thỏa thuận với Ngân hàng trong hợp đồng này và văn bản tín dụng”. Việc Công ty vi phạm hợp đồng tín dụng gây khó khăn cho công tác quản lý vốn vay và ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ.

Theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nếu bên vay vi phạm các cam kết thì Ngân hàng có quyền khởi kiện, do đó để đảm bảo thu hồi các khoản nợ. Ngân hàng G, tiến hành khởi kiện Công ty TNHH TM DV G.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

1/. Buộc Công ty TNHH TM DV G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 cho Ngân hàng N – chi nhánh tỉnh S như sau: Gốc 30.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 27/4/2022 là 7.456.438.356 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày

28/8/2021 đến ngày 27/4/2022 là 994.191.781 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 38.450.630.137 đồng.

2/. Trường hợp Công ty TNHH TM DV G không thực hiện được nghĩa vụ trả số tiền nêu trên, thì Ngân hàng yêu cầu xử lý phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G, người đại diện ông Nguyễn Văn S: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến gì.

- Tại bản tự khai ngày 24/02/2021 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nguyễn Minh T như sau:

Ông Phạm Nguyễn Minh T thừa nhận có đứng ký bảo lãnh cho Công ty TNHH TM DV G để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ngày 28/11/2019 để vay hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng; Lãi suất: 10,5%, lãi suất nợ quá hạn: 15,75%; Mục đích vay vốn: Chi phí xây dựng công trình các loại. Vào ngày 28/11/2019 ông Võ Công T và bà Hoàng Thị H có ký hợp đồng ủy quyền cho ông Phạm Nguyễn Minh T số 8586, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 để ông Trung đứng ra ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông Trung đồng ý liên đới trả số nợ gốc cho Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng bỏ phần lãi

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2020 Ngân hàng ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi bị đơn có trụ sở của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G theo hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 là số 338, đường PH, phường T, thành phố S, tỉnh S theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

[1.2] Đối với đương sự vắng mặt bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H, ông Phạm Nguyễn Minh T được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H, ông Phạm Nguyễn Minh T vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án và xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung

[2.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập, căn cứ khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận trên thực tế giữa Ngân hàng N chi nhánh tỉnh S và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn S có giao kết hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐSĐBS ngày 26/8/2020.

[2.2.] Xét về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐSĐBS ngày 26/8/2020 Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh S ký kết hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐSĐBS ngày 26/8/2020 với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn S. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 30.000.000.000 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490

ký ngày 28/11/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/HĐSDBS ngày 26/8/2020 thì phía Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh S với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G thỏa thuận hạn mức tín dụng theo hợp đồng tín dụng là 30.000.000.000 đồng, số tiền nhận nợ vào ngày 29/11/2019 là 30.000.000.000 đồng, trả nợ gốc cuối kỳ, vào ngày 29/8/2020, thời hạn cho vay: 09 tháng (từ ngày 29/11/2019 – 29/8/2020), trả lãi vay trả vào định kỳ 03 tháng/lần vào ngày cuối tháng của tháng cuối cùng của kỳ tính lãi, lãi suất cho vay 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150%/lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, lãi chậm trả 5%/năm, mục đích vay thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ xây dựng công trình các loại. Theo hợp đồng trên thì các bên đã ký giấy nhận nợ số 7600-LDS-190004113 vào ngày 29/11/2019 với số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G đã nhận là 30.000.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình vay vốn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký. Như vậy tổng số tiền gốc còn nợ lại là 30.000.000.000 đồng. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 6 của hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 ký ngày 28/11/2019 nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó Ngân hàng yêu cầu buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là 30.000.000.000 đồng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G trả số tiền lãi đối với số tiền Gốc 30.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 29/11/2019 đến ngày 14/7/2021, lãi suất 10,5% số tiền là 5.126.301.370 đồng; từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 lãi suất 9,45% số tiền là 1.320.410.959 đồng; từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/4/2022 lãi suất 10,5% số tiền là 1.009.726.027 đồng tổng nợ lãi trong hạn là 7.456.438.356 đồng, nợ lãi quá hạn từ ngày 28/8/2021 đến ngày 31/12/2021, lãi suất 4,725% số tiền là 489.328.767 đồng, từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/4/2022, lãi suất 5,25% số tiền là 504.863.014 đồng tổng nợ quá hạn là 994.191.781 đồng. Tổng nợ lãi là 8.450.630.137 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định: “*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả*”; Điều 4 của hợp đồng tín dụng số 7600-LAV-201901490 vào ngày 29/11/2019 thì mức lãi suất cho vay theo lãi suất biến động tăng/giảm thì tối thiểu 03 tháng 01 lần, bên cho vay

thực hiện điều chỉnh lãi suất cho vay tăng/giảm tương ứng theo quy định của Agribank. Khi thực hiện điều chỉnh lãi suất Ngân hàng gửi thông báo cho khách hàng, thông báo điều chỉnh lãi suất có giá trị như một phụ lục của hợp đồng tín dụng này. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nên phía Ngân hàng yêu cầu trả lãi số tiền là 8.450.630.137 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 28/4/2022 đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng: Theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 859/HĐTC ngày 28/11/2019 được ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng N - Chi nhánh tỉnh S với bên thế chấp là ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H ủy quyền cho ông Phạm Nguyễn Minh T đại diện theo hợp đồng ủy quyền số 8586, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/11/2019 thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký tại Điều 4 trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 859/HĐTC ngày 28/11/2019 nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng thế chấp tài sản số 859/HĐTC ngày 28/11/2019 cũng được ông Võ Công T, bà Hoàng Thị H ủy quyền cho ông Phạm Nguyễn Minh T đại diện thống nhất bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng này. Thỏa thuận này là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ chấp nhận. Đối với tài sản thế chấp, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là: Phần đất thuộc thửa số 24, tờ bản đồ 84, diện tích 448,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CL 852291 cấp ngày 10/8/2018 được UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Lâm Ngọc Nhiều. Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được chỉnh lý sang tên ông Võ Công Tường ngày 29/11/2018.

[2.7] Như đã phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 146,450,630 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng (thẩm định): Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 95; Điều 147; Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 317 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.
2. Buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/4/2022 còn nợ tổng cộng là 38.450.630.137 đồng, trong đó: nợ gốc: 30.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 7.456.438.356 đồng; lãi quá hạn: 994.191.781 đồng.

Kể từ ngày 28/4/2022 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Trong trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền gốc và lãi phát sinh, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là: Thửa đất số 24, tờ bản đồ 84, diện tích 448,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số CL 852291 được UBND huyện Phú Quốc cấp cho bà Lâm Ngọc Nhiều cấp ngày 10/8/2018. Địa chỉ: khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được chính lý sang tên ông Võ Công Tường ngày 29/11/2018 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 859/HĐTC ngày 28/11/2019.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 70.458.400 đồng theo biên lai thu số 0004952 ngày 24/12/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 146,450,630 đồng

4. Về chi phí tố tụng (thẩm định): Số tiền là 2.090.000 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng) bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước theo phiếu thu số 019 ngày 19/01/2021 nên Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ G phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền là 2.090.000 đồng (Hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lý Bích Khiêm

